

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **20** /2018/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **26** tháng **4** năm 2018

**THÔNG TƯ**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

**Quy định về thông tin, chỉ dẫn, trang thiết bị phục vụ khách hàng,  
CÔNG VẤN ĐỀ** thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt

Giờ .....**C**..... Ngày .....**02/5**.....

Kính chuyển: .....**TTT**.....

|                                  |                               |
|----------------------------------|-------------------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                               |
| ĐẾN                              | Giờ: ..... <b>C</b> .....     |
|                                  | Ngày: ..... <b>02/5</b> ..... |

*Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về thông tin, chỉ dẫn, trang thiết bị phục vụ khách hàng, thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về thông tin, chỉ dẫn, trang thiết bị phục vụ khách hàng, thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt trong quá trình vận hành, khai thác trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị và đường sắt chuyên dùng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến vận hành, khai thác phương tiện giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị và đường sắt chuyên dùng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện động lực chuyên dùng đường sắt* là các phương tiện có động cơ, tự di chuyển được dùng để bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thi công công trình đường sắt; để cứu hộ, cứu nạn trong tai nạn giao thông đường sắt và phương tiện có tính năng chuyên dùng khác di chuyển trên đường sắt.

2. *Toa xe động lực* là toa xe có lắp động cơ để tự di chuyển trên đường sắt.

3. *Toa xe đường sắt đô thị* bao gồm: toa xe động lực có buồng lái (Mc), toa xe động lực không có buồng lái (M), toa xe kéo theo không có buồng lái (T), toa xe kéo theo có buồng lái (Tc).

## **Chương II**

### **THÔNG TIN, CHỈ DẪN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG**

#### **Điều 4. Thông tin, chỉ dẫn trên phương tiện giao thông đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng**

1. Bên ngoài toa xe khách phải có biển số thứ tự của toa xe theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo để chỉ dẫn cho khách hàng khi tàu tác nghiệp khách hàng tại ga. Biển số thứ tự bên ngoài toa xe phải trùng số thứ tự với biển số trong toa xe.

2. Bên trong toa xe khách phải có biển số thứ tự của toa xe, số chỗ để chỉ dẫn khách hàng, bảng thông tin bằng chữ viết hoặc điện tử và hệ thống truyền thanh để cung cấp thông tin cần thiết cho khách hàng về hành trình của tàu, tên ga dừng đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố, tai nạn; nội quy đi tàu; các biển hiệu bằng chữ hoặc bằng hình vẽ để chỉ dẫn sử dụng các trang thiết bị an toàn, chữa cháy, chỗ ưu tiên của khách hàng, nhà vệ sinh.

3. Ký hiệu, thông tin, chỉ dẫn phải rõ ràng, dễ hiểu; bố trí ở nơi dễ thấy, dễ đọc. Chỉ dẫn bằng chữ cho khách hàng trên toa xe phải được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Hệ thống phát thanh phải phát bằng tiếng Việt và tiếng Anh để hướng dẫn khách hàng trên tàu khách.

#### **Điều 5. Thông tin, chỉ dẫn trên phương tiện giao thông đường sắt đô thị**

1. Toa xe đường sắt đô thị phải có thông tin, chỉ dẫn bằng chữ, hình vẽ, phát thanh, bảng thông tin bằng chữ viết hoặc điện tử để cung cấp thông tin cần thiết cho khách hàng về hành trình của tàu, tên ga dừng đỗ và ga tiếp theo trên tuyến đường, hướng dẫn cách xử lý khi xảy ra tình huống khẩn cấp; chỉ dẫn sử dụng các trang thiết bị an toàn, chữa cháy, chỗ ưu tiên của khách hàng. Riêng với toa xe điều khiển đầu đoàn tàu, bên ngoài toa xe phải có thông tin điểm đến của đoàn tàu.

2. Thông tin, chỉ dẫn phải rõ ràng, dễ hiểu; bố trí ở nơi dễ thấy, dễ đọc. Chỉ dẫn bằng chữ cho khách hàng trên toa xe phải được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

#### **Điều 6. Trang thiết bị phục vụ khách hàng trên phương tiện giao thông đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng**

1. Trên toa xe khách phải trang bị tối thiểu gồm các dụng cụ, thiết bị sau: dụng cụ thoát hiểm; thiết bị, dụng cụ và vật liệu chữa cháy; các trang bị phục vụ hành khách như: điện, nước, thiết bị chiếu sáng, thiết bị làm mát, thông gió, thiết bị vệ sinh.

2. Trên đoàn tàu khách, tàu hỗn hợp phải được trang bị tủ thuốc, dụng cụ sơ cứu; dụng cụ và vật liệu để sửa chữa đơn giản; thiết bị cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

**Điều 7. Trang thiết bị phục vụ khách hàng trên phương tiện giao thông đường sắt đô thị**

Toa xe đường sắt đô thị phải trang bị tối thiểu gồm các dụng cụ thiết bị sau: dụng cụ thoát hiểm; thiết bị chiếu sáng; thiết bị điều hòa không khí, thông gió; thiết bị truyền thanh; ghế ngồi ưu tiên; thiết bị chữa cháy; thiết bị cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng; hộp thuốc sơ cấp cứu khách hàng.

### Chương III

## THIẾT BỊ AN TOÀN TRÊN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

**Điều 8. Thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt quốc gia**

1. Đầu máy kéo tàu, phương tiện động lực chuyên dùng đường sắt phải có đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và dữ liệu chạy tàu, thiết bị chống ngủ gật.

2. Phương tiện động lực chuyên dùng đường sắt phục vụ cứu hộ cứu nạn, thi công cầu, đường sắt có tốc độ thiết kế  $V_{\max} \leq 40\text{km/h}$  hoặc tốc độ vận hành lớn nhất  $V_{\max} \leq 30\text{km/h}$  (theo công lệnh tốc độ chạy tàu công bố) thì không phải lắp thiết bị ghi tốc độ và dữ liệu chạy tàu, thiết bị chống ngủ gật.

3. Trên đầu máy, phương tiện động lực chuyên dùng đường sắt phải có thiết bị báo cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Toa xe khách phải có van hãm khẩn cấp có kẹp chì niêm phong, đồng hồ áp suất còn hạn kiểm định.

5. Trên đoàn tàu hàng không có toa xe trường tàu phải trang bị thiết bị tín hiệu đuôi tàu theo quy định.

6. Trên đoàn tàu phải có chèn (sắt hoặc gỗ), pháo hiệu chuyên dùng đường sắt, tín hiệu đèn màu, tín hiệu cầm tay cần thiết.

7. Tại vị trí làm việc của trưởng tàu phải lắp các thiết bị còn hoạt động bình thường, bao gồm:

- Van hãm khẩn cấp có kẹp chì niêm phong;
- Đồng hồ áp suất còn hạn kiểm định;
- Thiết bị báo tốc độ đoàn tàu;
- Thiết bị liên lạc giữa trưởng tàu và lái tàu.

**Điều 9. Thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt đô thị**

1. Trên toa xe đường sắt đô thị loại Mc hoặc Tc tại buồng lái phải có ít nhất các thiết bị sau: đồng hồ báo tốc độ, thiết bị bảo vệ đoàn tàu tự động (ATP), thiết bị

cảnh báo tự động (AWS), thiết bị ghi tốc độ và dữ liệu chạy tàu, thiết bị chống ngủ gật. Bên ngoài toa xe điều khiển có trang bị camera an ninh (CCTV).

2. Trên toa xe đường sắt đô thị tại khoang hành khách phải có ít nhất các thiết bị sau: thiết bị cảnh báo khẩn cấp cho lái tàu, thiết bị mở cửa toa xe trong trường hợp khẩn cấp, cần giật van hãm khẩn, còi cảnh báo, thiết bị phát hiện và cảnh báo hỏa hoạn, camera an ninh (CCTV), thiết bị liên lạc giữa khách hàng và lái tàu trong trường hợp cần thiết.

3. Đối với phương tiện động lực chuyên dùng đường sắt phục vụ cứu hộ cứu nạn, thi công cầu đường sắt có tốc độ thiết kế  $V_{\max} \leq 30\text{km/h}$  hoặc tốc độ vận hành lớn nhất  $V_{\max} \leq 25\text{km/h}$  (theo công lệnh tốc độ chạy tàu công bố) thì không phải lắp thiết bị ghi tốc độ và dữ liệu chạy tàu, thiết bị chống ngủ gật.

#### **Điều 10. Thiết bị an toàn trên phương tiện đường sắt chuyên dùng**

1. Đầu máy kéo tàu phải có đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và dữ liệu chạy tàu, thiết bị chống ngủ gật.

2. Đầu máy chuyên dùng, đầu máy kéo tàu có tốc độ thiết kế  $V_{\max} \leq 30\text{km/h}$  hoặc tốc độ vận hành lớn nhất  $V_{\max} \leq 25\text{km/h}$  (theo công lệnh tốc độ chạy tàu công bố) hoạt động chạy tàu trong khu đoạn đường sắt có chiều dài nhỏ hơn 30km thì không phải lắp thiết bị ghi tốc độ và dữ liệu chạy tàu.

3. Trường hợp đoàn tàu hàng có tốc độ vận hành lớn nhất  $V_{\max} \leq 25\text{km/h}$  (theo công lệnh tốc độ chạy tàu công bố) hoạt động chạy tàu trong khu đoạn đường sắt có chiều dài nhỏ hơn 30km thì không cần thiết phải lắp thiết bị tín hiệu đuôi tàu nhưng phải có biện pháp giám sát áp suất ống hãm ở toa xe cuối đoàn tàu.

4. Trên đoàn tàu phải có chèn (sắt hoặc gỗ), pháo hiệu chuyên dùng đường sắt, tín hiệu đèn màu, tín hiệu cầm tay cần thiết.

5. Trên đầu máy phải có thiết bị báo cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

### **Chương IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của chủ phương tiện giao thông đường sắt**

1. Tổ chức thực hiện trang bị các thông tin, chỉ dẫn, thiết bị phục vụ khách hàng, thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt theo quy định của Thông tư này.

2. Chịu trách nhiệm bảo trì, sửa chữa trang thiết bị trên phương tiện theo quy định của nhà chế tạo.

3. Chịu trách nhiệm kiểm định các thiết bị an toàn trên phương tiện theo quy định pháp luật hiện hành.

## **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

~~2. Bãi bỏ Thông tư số 34/2012/TT-BGTVT ngày 22/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục, biện pháp bảo đảm an toàn đối với phương tiện động lực chuyên dùng khi khai thác, vận dụng trên đường sắt không bắt buộc phải có thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen).~~

## **Điều 13. Quy định chuyển tiếp**

Đối với các phương tiện giao thông đường sắt thuộc đối tượng áp dụng tại Thông tư số 34/2012/TT-BGTVT ngày 22/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải vẫn được thực hiện cho đến lần kiểm định gần nhất tiếp theo của phương tiện.

## **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 14;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, VTài.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Ngọc Đông**

10/07/2018



## Phụ lục

### Biển số thứ tự bên ngoài toa xe

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 20/2018/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Vật liệu: tấm nhôm hoặc inox
2. Kích thước biển: 150 mm x 220 mm x 1 mm
2. Chiều cao chữ số: 100 mm
3. Màu chữ số: sơn phản quang màu đỏ
4. Màu nền tấm biển số là màu trắng

Chú ý: Biển số có móc kẹp để treo ngoài toa xe khi tác nghiệp hành khách tại ga

